

## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

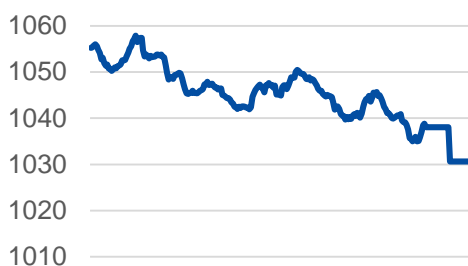
17/05/2018

### Diễn biến thị trường trong phiên

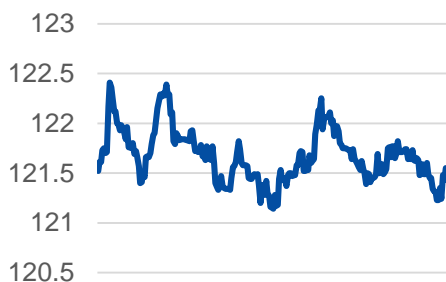
Rating	VNI	HNI	UPCoM
<b>Điểm</b>	1,030.6	121.5	56.0
% ngày	-2.27	0.01	0.07
% tuần	0.17	0.45	-0.11
% tháng	-10.63	-9.50	-5.67
% năm	41.73	32.20	-4.92
<b>GTGD (Triệu đồng)</b>			
Trong ngày	3,203.09	624.04	167.02
Hôm qua	3,649.21	603.38	204.84
TB 1 tháng	4,365.44	757.08	222.75
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	416.25	17.14	8.75
Bán	610.57	31.37	16.34
Giá trị ròng	(194.32)	(14.23)	(7.59)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	102	87	73
Mã Giảm	173	83	74
Không Đổi	78	214	587
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	18.3x	13.3x	14.5x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,888	224	886
LS Cổ tức	1.91	2.48	3.30

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index có thêm 1 phiên giảm mạnh khi lực bán ra vẫn mạnh đồng thời với lượng bán ròng lớn của khối ngoại, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,030.6 điểm giảm 23.98 điểm (-2.27%), chỉ số HNX-Index tăng nhẹ thêm 0.01 điểm (+0.01%) điểm và đạt mức 121.5 điểm, còn chỉ số UPCoM đóng cửa ở mức 55.97 điểm tăng 0.0.4% (+0.07%).

Nhóm 10 cổ phiếu có vốn hóa lớn trên sàn đều giảm mạnh trong phiên, Duy chỉ có CTG (+0.34%) vẫn còn tăng nhẹ và các mã giảm như VIC (-5.38%), VNM (-2.42%), GAS (-3.09%), VCB (-0.35%), SAB (-4.17%),... Nhóm cổ phiếu VN30 đã có một phiên giao dịch âm ảm khi chỉ có suy nhất 3 mã tăng giá và 27 mã giữ nguyên và giảm giá. Dòng các cổ phiếu ngành dầu khí làm trụ đỡ cho ngày hôm nay như PVD và PVS trong phiên đã góp phần giúp cải thiện các chỉ số index.

Thanh khoản của thị trường hôm nay với tổng giá trị khớp lệnh chỉ có 3.2 tỷ đồng thấp hơn hôm qua là 3.6 tỷ đồng trên sàn HSX và so với giá trị giao dịch khớp lệnh trung bình một tháng gần nhất ngày càng thấp cho thấy các nhà đầu tư vẫn đang thận trọng.

Ngày hôm nay, công ty cổ phần Vinhomes (HSX:VHM) đã chính thức đưa 2,68 tỷ cổ phiếu niêm yết trên sàn HoSE với giá tham chiếu 92.100 đồng/cp. Trong phiên chào sàn, cổ phiếu VHM đã tăng kịch trần 20% lên 110.500 đồng với dư mua lớn. Tại mức giá trên, vốn hóa thị trường của Vinhomes đạt xấp xỉ 300.000 tỷ đồng, trở thành doanh nghiệp có vốn hóa lớn thứ 2 trên thị trường và dự báo đây sẽ là một mã sẽ gây tác động đáng kể đến chỉ số VN-Index.

Đóng cửa phiên 17/05/2018, VIC, VRE và VHM đang chiếm 22.6% tổng vốn hóa sàn HoSE.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn giao dịch chứng khoán. Trong đó, khối ngoại bán ròng 194.3 tỷ đồng trên HSX và 14.23 tỷ đồng trên HNX. Đây cũng là tuần cơ cấu danh mục của quỹ iShares MSCI Frontier 100 ETF và ngày mai là ngày cơ cấu cuối cùng của quỹ này trong quý 2/2018 cho nên khối ngoại có thể sẽ giao dịch mạnh trong phiên 18/05/2018.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng các chỉ số chính có thể sẽ kiểm định lại vùng đáy cũ, đặc biệt chỉ số VN-Index sẽ kiểm định lại mức hỗ trợ ngắn hạn 1026.61 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy, nhưng nếu các chỉ số chính xuyên thủng mức đáy cũ thì rủi ro sẽ tăng dần lên. Theo mô hình định lượng của chúng tôi, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy rằng tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng dần cho thấy áp lực bán chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu Largecaps và thị trường có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức chốt lỗ ở mức 1026.61 điểm và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 127.17 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế bán tháo ở các nhịp giảm và nên chú ý diễn biến ở từng cổ phiếu khi thị trường vẫn đang có sự phân hóa theo bảng theo dõi xu hướng của chúng tôi phía bên dưới báo cáo.

**Tỷ trọng khuyến nghị:** 41% cổ phiếu/59% tiền mặt.



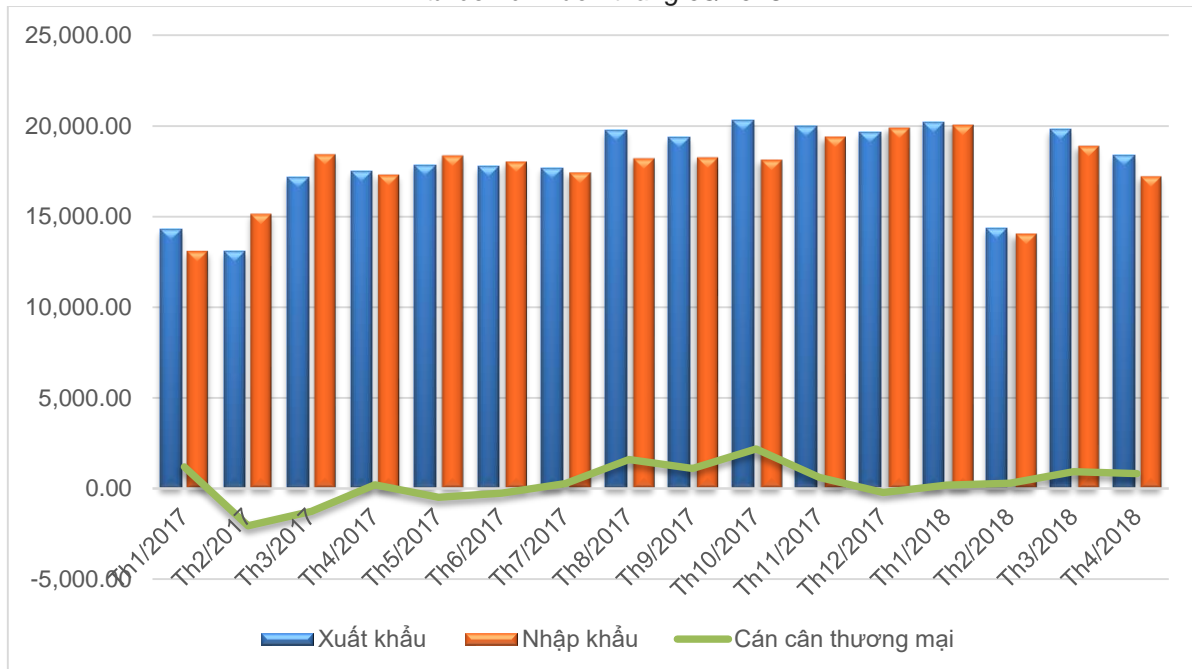
We Create Fortune

**Từ đầu năm 2018 đến nay, Tổng trị giá xuất nhập khẩu cả nước đạt 143,89 tỷ USD, tăng 14.3% so với cùng kỳ năm trước** và cán cân thương mại thặng dư với tổng giá trị xuất khẩu xuất khẩu đạt 73.89 tỷ USD, tăng 19.2% so với cùng kỳ và cao hơn tổng giá trị nhập khẩu đạt 70 tỷ USD, tăng 9.5% so với cùng thời gian năm trước.

Về nhập khẩu, riêng vào thời điểm tháng 4/2018, xuất khẩu giảm 13.1% đạt giá trị 18.37 tỷ USD. Đáng quan tâm là 3/4 nhóm hàng giảm so với tháng 3/2018, những nhóm hàng xuất khẩu lớn như điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; hàng dệt may,... đều giảm mạnh. Tuy nhiên, nếu so với tháng 04/2017 thì kim ngạch xuất khẩu lũy kế đến tháng 4/2018 vẫn có sự tăng trưởng đáng kể là 19.2% (+11.89 tỷ USD).

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa trong tháng 4/2018 của Việt Nam là 17.2 tỷ USD, giảm 8.9%. Số liệu lũy kế 4 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu Việt Nam tăng 9.5% so với cùng kỳ năm trước (+6.06 tỷ USD). Phần lớn nhóm hàng nhập khẩu chính giảm so với tháng 03/2018 như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc thiết bị dụng cụ và phụ; kim loại thường khác; chất dẻo nguyên liệu; xăng dầu các loại,...

Diễn biến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và cán cân thương mại theo tháng từ 03/2017 đến tháng 03/2018



Nguồn: FiinPro & Tổng cục hải quan



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1.070,0	1.026,6	1.000,0	975,0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	127,0	138,5	115,5	103,0

We Create Fortune

## BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	19.60	GIẢM	GIẢM		20.77				22.42		
ACB	42.90	TĂNG	GIẢM	46.00	41.19	-6.74%			49.70		
BFC	31.40	GIẢM	GIẢM		33.18				35.61		
BHN	105.50	GIẢM	GIẢM		112.27				132.78		
BID	33.00	GIẢM	GIẢM		37.87				41.90		
BMP	59.10	TĂNG	GIẢM	56.10	56.42	5.35%			63.85		
BSR	22.00	TĂNG	TĂNG	21.00	19.04	4.76%					
BVH	93.90	TĂNG	GIẢM	102.00	89.42	-7.94%			109.19		
BWE	21.95	GIẢM	GIẢM		22.71				25.47		
CHP	25.45	TĂNG	GIẢM	24.65	24.59	3.25%			26.29		
CSM	13.15	GIẢM	GIẢM		13.46				15.12		
CTD	144.00	TĂNG	GIẢM	142.00	138.36	1.41%			160.75		
CTG	29.20	GIẢM	GIẢM		31.18				34.25		
CTI	32.50	TĂNG	GIẢM	34.00	30.57	-4.41%			36.40		
CVT	32.80	GIẢM	GIẢM		36.68			51.10	44.03	-13.84%	
DGW	26.40	TĂNG	TĂNG	23.40	25.63	12.82%		16.40	24.55	60.98%	
DHA	28.55	GIẢM	GIẢM		29.78				32.08		
DHC	42.90	GIẢM	GIẢM		45.73				46.93		
DHG	103.20	TĂNG	TĂNG	104.20	100.28	-0.96%		115.00	96.90	-10.26%	
DPG	57.60	TĂNG	GIẢM	54.00	51.76	6.67%			62.82		
DPM	19.30	TĂNG	GIẢM	19.40	18.61	-0.52%			21.50		
DPR	38.95	GIẢM	GIẢM		40.35				42.69		
DQC	34.00	GIẢM	GIẢM		35.55				37.41		
DRC	21.00	GIẢM	GIẢM		24.33				28.11		
DXG	35.80	TĂNG	GIẢM	33.70	32.63	6.23%			37.59		
ELC	10.75	GIẢM	GIẢM		10.92				13.04		
FCN	16.70	GIẢM	GIẢM		17.66				19.70		
FIT	5.81	GIẢM	GIẢM		6.27				7.30		
FMC	22.85	TĂNG	GIẢM	24.50	21.87	-6.73%		18.40	27.00	46.76%	
FPT	60.60	TĂNG	GIẢM	61.60	58.36	-1.62%			64.28		
GAS	116.00	TĂNG	GIẢM	118.00	107.59	-1.69%			124.57		
GIL	42.60	TĂNG	TĂNG	44.00	40.59	-3.18%		34.90	40.98	22.06%	
GMD	27.90	TĂNG	GIẢM	28.20	26.29	-1.06%			31.17		
GTN	11.40	TĂNG	GIẢM	12.00	11.22	-5.00%			12.52		
HAG	5.25	GIẢM	GIẢM		5.41				6.26		
HAX	17.20	GIẢM	GIẢM		17.87				20.69		
HBC	39.25	GIẢM	GIẢM		42.20				49.20		
HNG	8.58	GIẢM	TĂNG		8.99			8.20	7.24	4.63%	

We Create Fortune

HPG	53.00	TĂNG	GIẢM	57.00	52.94	-7.02%			62.48		
HSG	14.20	GIẢM	GIẢM		15.51				18.45		
HT1	13.10	GIẢM	GIẢM		13.70				15.21		
HUT	7.10	GIẢM	GIẢM		7.86				9.46		
HVN	37.10	GIẢM	GIẢM		40.64				47.23		
ITD	11.40	TĂNG	GIẢM	11.30	10.43	0.88%			12.18		
KBC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.00	13.81	0.00%	MUA		14.79		
KDH	35.50	GIẢM	GIẢM		36.49				40.24		
KSB	35.30	GIẢM	GIẢM	37.80	35.44	-6.25%	BÁN		41.76		
LCG	9.80	TĂNG	TĂNG	10.40	9.74	-5.77%		11.10	9.54	-11.71%	
LIX	43.00	GIẢM	GIẢM		45.50			49.00	44.89	-8.39%	BÁN
LPB	13.70	GIẢM	TĂNG		15.13						
LSS	8.80	GIẢM	GIẢM		9.28				10.18		
MSN	87.00	GIẢM	GIẢM		101.15				110.20		
MWG	103.20	TĂNG	GIẢM	105.50	99.89	-2.18%			115.64		
NKG	22.10	TĂNG	GIẢM	22.70	19.96	-2.64%			27.38		
NLG	34.00	GIẢM	GIẢM		36.10				40.65		
NT2	29.70	GIẢM	GIẢM		30.50				34.97		
NTL	9.60	GIẢM	TĂNG		9.93			10.45	8.94	-8.13%	
NTP	53.50	GIẢM	GIẢM		55.53				64.91		
PAC	40.50	GIẢM	TĂNG		42.59				40.29		
PC1	33.30	GIẢM	GIẢM		34.26				35.82		
PDR	31.00	GIẢM	GIẢM		32.82			33.99	31.24	-8.10%	
PGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.99				16.04		
PHR	44.30	TĂNG	GIẢM	43.90	41.88	0.91%			47.47		
PLC	18.60	GIẢM	GIẢM		20.87				24.09		
PLX	68.00	TĂNG	GIẢM	68.20	63.13	-0.29%			79.68		
PNJ	181.00	TĂNG	GIẢM	183.10	172.81	-1.15%			196.59		
POW	14.50	GIẢM	TĂNG		14.53						
PPC	18.70	GIẢM	GIẢM		19.37				20.66		
PTB	96.90	GIẢM	GIẢM		98.60				107.02		
PVD	17.10	TĂNG	GIẢM	17.10	16.69	0.00%	MUA		20.41		
PVI	33.50	TĂNG	GIẢM	35.00	32.04	-4.29%			38.63		
PVS	20.60	TĂNG	GIẢM	19.00	17.34	8.42%			23.08		
PXS	6.80	TĂNG	GIẢM	6.80	6.18	0.00%			7.81		
RAL	116.00	GIẢM	GIẢM		124.51				141.55		
REE	36.20	GIẢM	GIẢM		37.47				40.61		
SAB	241.50	TĂNG	GIẢM	234.30	230.35	3.07%			249.79		
SAM	7.46	TĂNG	GIẢM	7.75	7.14	-3.74%			8.48		
SBV	29.90	GIẢM	GIẢM		30.94				33.35		
SCR	10.40	GIẢM	GIẢM		11.24				12.72		
SHI	7.21	TĂNG	TĂNG	6.83	6.84	5.56%		6.99	6.09	3.15%	
SJS	24.70	GIẢM	GIẢM		26.25				28.42		



We Create Fortune

SKG	25.10	GIẢM	GIẢM		25.87				28.42		
SSI	33.60	GIẢM	GIẢM		37.32				41.33		
STB	12.75	GIẢM	GIẢM		14.03				15.76		
SVC	48.00	TĂNG	GIẢM	47.90	46.11	0.21%			51.89		
TCM	21.40	TĂNG	GIẢM	21.05	20.28	1.66%			23.81		
TDH	14.40	GIẢM	GIẢM		15.49				16.90		
TLH	10.20	GIẢM	GIẢM		10.67				11.62		
TMT	10.30	GIẢM	TĂNG		10.63			10.55	8.66	-2.37%	
TNG	13.30	GIẢM	GIẢM		13.83				15.39		
TYA	14.60	GIẢM	GIẢM		15.78			11.63	14.82	27.47%	BÁN
VCB	56.80	GIẢM	GIẢM		61.77				69.62		
VFG	50.00	TĂNG	TĂNG	37.10	44.98	34.77%		46.10	41.02	8.46%	
VGC	25.70	TĂNG	GIẢM	24.40	23.85	5.33%			27.09		
VIB	32.70	GIẢM	GIẢM		35.98			24.80	34.84	40.49%	
VIC	123.00	GIẢM	TĂNG	132.00	124.34	-5.80%	BÁN	44.55	111.69	176.09%	
VIP	7.27	GIẢM	TĂNG		7.46			6.71	6.82	8.28%	
VJC	188.00	TĂNG	GIẢM	194.20	179.98	-3.19%			207.23		
VKC	6.00	GIẢM	GIẢM		6.03				6.77		
VNM	165.00	GIẢM	GIẢM		182.12				202.98		
VPB	45.80	GIẢM	GIẢM		54.94				61.74		
VRC	17.70	TĂNG	GIẢM	19.20	17.47	-7.81%		20.90	17.94	-14.15%	
VSC	33.70	GIẢM	GIẢM		35.27				39.07		
VSH	17.00	GIẢM	TĂNG		17.24			17.40	16.36	-2.30%	



We Create Fortune

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Chg%
VNI	1,030.64	-2.27%
VN30	1,007.09	-2.63%
VN Mid	1,070.68	-0.18%
VN Small	859.45	-0.36%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	416.25	
Bán	610.57	
GT ròng	(194.32)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVD	700	4.3%
HDC	600	3.7%
ELC	350	3.4%
KBC	400	2.9%
SJF	400	2.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSN	(5,900)	-6.4%
NT2	(2,000)	-6.3%
VIC	(7,000)	-5.4%
VPB	(2,500)	-5.2%
ROS	(4,000)	-5.0%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	324,438	
VNM	239,456	
GAS	222,018	
VCB	204,353	
SAB	154,869	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KSA	6.10	0.94
VPB	5.12	3.65
SSI	4.45	5.27
SBT	4.40	5.79
CTG	4.36	6.48

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

	Điểm	Chg%
HNI	121.50	+0.01%
HN30	224.78	+0.41%
VNX AllSh	1,433.11	-2.15%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.14	
Bán	31.37	
GT ròng	(14.23)	

Mã tăng lớn nhất	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTB	2,318	15.3%
PVS	1,100	5.6%
CEO	400	2.8%
NDN	400	2.2%
VGC	400	1.6%

Mã giảm lớn nhất	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	(300)	-2.2%
SHB	(200)	-1.9%
SHS	(300)	-1.8%
VCS	(1,700)	-1.5%
PVI	(400)	-1.2%

GTGD cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	46,525	
VCS	17,280	
SHB	12,272	
VGC	11,523	
PVS	9,202	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	9.75	16.01
PVS	6.35	4.65
VGC	2.62	2.15
ACB	2.02	4.49
SVN	1.94	0.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.97	+0.07%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	8.75	
Bán	16.34	
GT ròng	(7.59)	

Mã tăng lớn nhất	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QNS	900	2.0%
BSR	300	1.4%
OIL	200	1.0%
TBD	700	1.0%
SCS	400	0.2%

Mã giảm lớn nhất	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	(2,500)	-3.2%
VGT	(200)	-1.6%
LPB	(200)	-1.4%
HVN	(500)	-1.3%
VIB	(300)	-0.9%

GTGD cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	190,063	
BSR	68,211	
MCH	53,038	
HVN	46,349	
GVR	39,200	

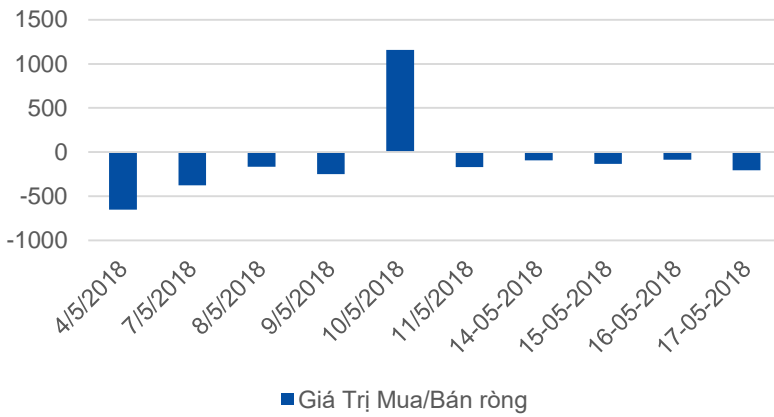
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
OIL	1.25	0.83
POW	1.18	1.68
BSR	1.09	1.43
LPB	0.99	4.46
QNS	0.27	0.28

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

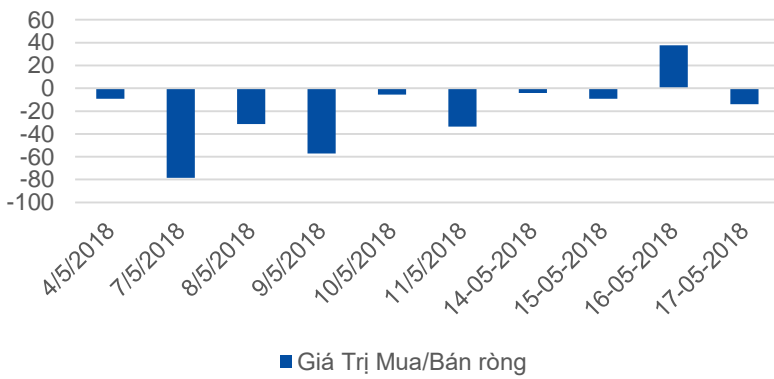
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>CTG</b>	25,533.01	<b>HPG</b>	-57,643.78
<b>E1VFN30</b>	23,248.75	<b>VJC</b>	-36,778.54
<b>CII</b>	7,725.31	<b>VNM</b>	-36,220.99
<b>HCM</b>	5,649.10	<b>MSN</b>	-33,564.90
<b>HDB</b>	5,589.10	<b>PLX</b>	-26,340.60

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

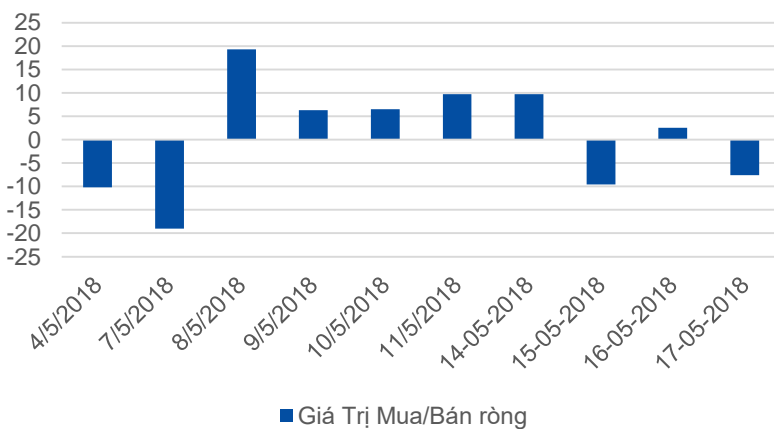
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>SHS</b>	3,127.88	<b>VGC</b>	-18,089.20
<b>PVS</b>	1,470.64	<b>PLC</b>	-476.43
<b>TTZ</b>	226.38	<b>CEO</b>	-197.58
<b>IDV</b>	145.16	<b>SHB</b>	-154.00
<b>KKC</b>	129.73	<b>TV2</b>	-147.00

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



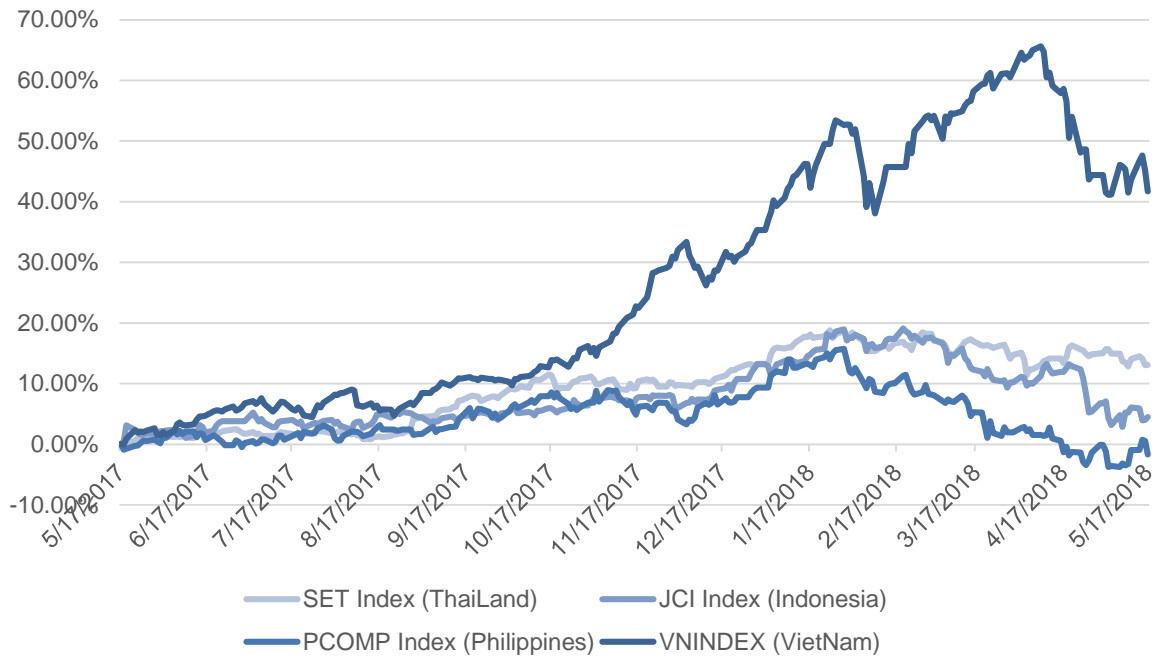
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>QNS</b>	2,496.74	<b>BSR</b>	-8,229.47
<b>SCS</b>	2,153.80	<b>POW</b>	-3,266.40
<b>LPB</b>	458.70	<b>VGT</b>	-878.00
<b>ACV</b>	282.53	<b>OIL</b>	-800.00
<b>VLC</b>	170.71	<b>GVR</b>	-297.06

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create Fortune

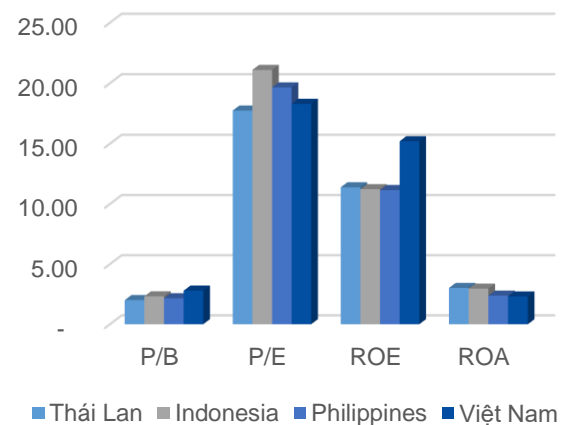
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2x	2.3x	2.2x	2.8x
P/E		17.7x	21.1x	19.6x	18.3x
ROE	%	11.38	11.23	11.15	15.20
ROA	%	3.01	2.96	2.38	2.31
Vốn hóa	Tỷ USD	547.27	465.49	186.44	126.84
GTGD	Triệu USD	1.76	0.52	0.09	0.14
LS cổ tức	%	2.93	2.28	1.62	1.91

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written